

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Lê Thị Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Khắc Chương**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 580/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Thảo Q**, sinh năm 1996; địa chỉ: số 381, thôn Đà Lâm, xã Đà Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* ông **Đỗ Anh T**, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Phú Tân, xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Q có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2022, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông **Đỗ Anh T** cùng chung sống từ năm 2014 đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/3/2015. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn, đến cuối năm 2017 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do ông T ghen tuông mù quáng, ích kỷ, gia trưởng, nhiều lần đánh đập bà nên cuộc sống chung không hòa hợp và vợ chồng đã chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân, bà sống một mình ở Nhà Trang và đến đầu năm 2021 về lại Đ sinh sống cùng ông T trong thời gian khoảng 05 tháng thì mâu thuẫn trở lại nên quyết định ly hôn, cho đến nay mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau nữa và ông T thường xuyên quây phá gây ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của bà. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Anh T; Về con chung: ông bà có 01 con chung Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016, hiện do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 cho đến ngày thành niên và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 13/3/2023, bị đơn ông Đỗ Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông xác định hôn nhân giữa ông bà hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn. Bà Q nhiều lần bỏ nhà đi không rõ lý do, ngày 11/11/2020 bỏ đi trong 04 tháng, trong thời gian này ông có gọi điện thoại nhiều lần khuyên bà Q về và ông đã đưa bà Q về nhà cùng sinh sống tuy nhiên ông phát hiện tin nhắn bà Q có mối quan hệ ngoại tình, bà Q ngoại tình và bỏ đi chung sống với người khác tên Kiên trong 19 ngày. Tháng 5 năm 2021, bà Q có về nhà chung sống; tuy nhiên, chỉ ở nhà được 07 ngày thì tiếp tục bỏ nhà đi và cùng chung sống với Nguyễn Long cho đến nay. Ông có thiện chí hoà giải và mong muốn có thời gian cho bà Q suy nghĩ kỹ về quan hệ hôn nhân, khi nào hết u mê thì về với chồng con, tuy nhiên bà Q không có thiện chí hòa giải. Hiện nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà Q có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn; Về con chung: ông bà có 01 con chung Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016, hiện do ông đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 cho đến ngày thành niên và ông không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách tố tụng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại Điều 208 đến Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo Q, cho bà Nguyễn Thị Thảo Q được ly hôn ông Đỗ Anh T. Về con chung: giao ông Đỗ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 cho đến ngày con chung thành niên; bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xác định đây là vụ án “*tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q và bị đơn ông Đỗ Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đỗ Anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Đỗ Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017; nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do bị đơn ghen tuông mù quáng, ích kỷ, gia trưởng, nhiều lần đánh đập bà nên cuộc sống chung không hòa hợp, không có sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau, trong thời gian này ông T thường xuyên quậy phá ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của bà. Bị đơn, ông T xác định trong thời gian chung sống, bà Q có quan hệ ngoại tình, bỏ đi chung sống với người khác và ông T đồng ý ly hôn với bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà hiện nay không có sự thông

cảm, chia sẻ với nhau, vợ chồng đã chấm dứt cuộc sống chung, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau; xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thảo Q và ông Đỗ Anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thảo Q được ly hôn ông Đỗ Anh T là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy hiện nay ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo điều kiện phát triển bình thường và bà Q có yêu cầu giao ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến ngày thành niên. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con chung, cần giao ông Đỗ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 cho đến ngày thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 68, 69, 71, 72 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Đỗ Anh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thảo Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thảo Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q. Bà Nguyễn Thị Thảo Q được ly hôn với ông Đỗ Anh T.

2. Về con chung: Giao ông Đỗ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Quốc K, sinh ngày 02/9/2016 cho đến ngày thành niên. Bà Nguyễn Thị Thảo Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Thảo Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008468 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Nguyễn Thị Thảo Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/4/2023); bị đơn ông Đỗ Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Đ;
- UBND xã Phú Hội;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ